

# **ẢNH HƯỞNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI THỜI RONALD REAGAN (1981-1989) ĐẾN CUỘC CHIẾN CHỐNG KHỦNG BỐ CỦA TỔNG THỐNG GEORGE W BUSH (2001-2009)<sup>(\*)</sup>**

NGUYỄN THU HẠNH\*

Sau vụ khủng bố thảm khốc ngày 11-9-2001, Tổng thống George W Bush đã phát động cuộc chiến chống khủng bố trên phạm vi toàn cầu, trọng tâm là khu vực Trung Đông. Cuộc chiến này đã tạo ra bước ngoặt lớn trong chiến lược toàn cầu của Mỹ và trở thành một trong những trụ cột an ninh quan trọng nhất trong nhiều năm sau đó. Tuy nhiên, đây không phải là lần đầu tiên Mỹ tiến hành một cuộc chiến chống lại chủ nghĩa khủng bố. Lịch sử đã ghi nhận dưới thời của Tổng thống Ronald Reagan, nước Mỹ cũng từng phát động một cuộc chiến chống khủng bố. Chính sách cứng rắn của chính quyền Mỹ đối với những kẻ khủng bố, đòn tấn công phủ đầu ở Libya năm 1986 là những minh chứng rõ nét cho tầm quan trọng của mục tiêu chống khủng bố trong tổng thể chính sách đối ngoại dưới thời Ronald Reagan. Không dừng lại ở đó, chính sách này của Reagan được xem là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới Tổng thống George W Bush, đặc biệt là trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu do Bush phát động. Vì vậy, nội dung của bài viết tập trung làm rõ ảnh hưởng của chính sách từ thời Ronald Reagan đối với cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ dưới thời George W Bush. Từ đó, làm rõ sự kế thừa và phát triển trong chính sách chống khủng bố của Mỹ.

## **1. Tổng thống Ronald Reagan với vấn đề chống khủng bố**

Trong thời gian nắm quyền (1981-1989), Ronald Reagan - vị Tổng thống thứ 40 của nước Mỹ đã đặc biệt quan tâm đến vấn đề chống khủng bố. Vậy chủ nghĩa khủng bố là gì? Theo khái niệm được công nhận rộng rãi bởi Liên hợp quốc, chủ nghĩa khủng bố “là những hành vi phạm tội, bao gồm chống lại dân thường, với mục đích gây ra cái chết hoặc thương tích cơ thể nghiêm trọng, hoặc bắt giữ con tin, với mục đích kích động tình trạng khủng bố trong cộng đồng hoặc trong một nhóm người hoặc một người cụ thể, đe dọa một dân số hoặc buộc một chính phủ hoặc một tổ chức quốc tế phải thực hiện hoặc không thực hiện hành vi cụ thể nào đó” (1).

Trong những năm 80 của thế kỷ trước, vấn đề chống khủng bố trở nên cấp bách đối với chính quyền Ronald Reagan sau hàng loạt các cuộc tấn công, bắt cóc nhằm vào các công dân và mục tiêu của Mỹ. Năm 1983, hơn 250 công dân Mỹ thiệt mạng bởi các cuộc đánh bom tự sát hoặc ném bom vào các khu vực công cộng (2). Chỉ riêng vụ tấn công khủng bố ở doanh trại lính thủy đánh bộ Mỹ tại Beirut - Lebanon ngày 23-10-1983, có tới 241 lính thủy đánh bộ Mỹ thiệt mạng. Quan

---

\*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

trọng hơn, khi mối quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô căng thẳng trở lại, Reagan cho rằng Liên Xô đã “sử dụng các chính phủ ở Triều Tiên, Nicaragua, Syria, Lybia để thỏa thuận với những kẻ khủng bố và những phần tử nổi dậy chống đối” (3). Đối với Tổng thống Reagan, một số quốc gia “đối địch” (rogue states) như Iran, Lybia, Triều Tiên, Nicaragua... là mối đe dọa nguy hiểm đối với lợi ích của Mỹ. Điều này được thể hiện trong các phát biểu của ông rằng “Iran, Lybia, Bắc Triều Tiên, Nicaragua...” là “liên minh các quốc gia khủng bố”, “đang thực hiện các cuộc chiến tranh nhằm chống lại nước Mỹ” và Mỹ - “một nạn nhân của chủ nghĩa khủng bố, có quyền được tự vệ theo luật pháp quốc tế” (4). Lấy trường hợp của Iran làm ví dụ, chính quyền Reagan quy kết Iran đứng sau cuộc khủng hoảng con tin ở Lebanon. Theo thông tin từ phía Mỹ, Hezbollah - nhóm dân quân Shi'ite được Iran hậu thuẫn, đã thực hiện tổng cộng gần 96 vụ bắt cóc con tin, chủ yếu là công dân Mỹ và phương Tây (5), bao gồm cả những quan chức cấp cao của Mỹ như Cục trưởng William Buckley hay Hiệu trưởng trường Đại học Mỹ ở Beirut - David Dodge... Xuất phát từ những lo ngại đó, Iran đã trở thành một trong số chín ưu tiên trong Học thuyết của Ronald Reagan (6). Tương tự, chính quyền Ronald Reagan cũng cáo buộc “Chế độ của Qaddafi có liên quan đến các trại huấn luyện của các nhóm cực đoan chống phương Tây” (7) và quan trọng hơn, “trong nhiều năm, Libya đã tài trợ cho một số cuộc tấn công nhằm các lợi ích của Hoa Kỳ...” (8). Do đó, quốc gia này trở thành một trong những mục tiêu hàng đầu trong chính sách chống khủng bố của Mỹ ở Trung Đông dưới thời Ronald Reagan.

Để đối phó với mối đe dọa từ chủ nghĩa khủng bố, chính quyền Ronald Reagan đã

triển khai chính sách chống khủng bố cứng rắn và quyết liệt. Trong bản Chiến lược an ninh năm 1987, Tổng thống Ronald Reagan nêu rõ một trong những ưu tiên của Mỹ là “cô lập và ngăn chặn” các quốc gia tài trợ cho khủng bố trong khu vực. Theo đó, bên cạnh các biện pháp chính trị, Mỹ sẵn sàng triển khai các hành động quân sự mạnh mẽ (tiêu biểu là trường hợp của Libya năm 1986) để thực hiện mục tiêu này. Như David C. Wills nhận định chính sách này bao gồm hai trụ cột chính: *Thứ nhất*, nước Mỹ sẽ phản ứng bằng mọi giá để chống lại những kẻ khủng bố, kể cả các biện pháp quân sự. *Thứ hai*, đàm phán và “nhượng bộ trước những kẻ khủng bố” sẽ không bao giờ là lựa chọn của chính quyền Mỹ bởi “việc đầu hàng bạo lực và khủng bố có thể sẽ đem đến những niềm tin tạm thời nhưng hướng đi như vậy sẽ dẫn đến một cuộc khủng hoảng nguy hiểm và khó kiểm soát hơn trong tương lai” (9).

Về chính trị, chính quyền Ronald Reagan tiến hành các biện pháp ngoại giao mang tính răn đe như: cắt đứt quan hệ ngoại giao, tiến hành bao vây, cô lập và đưa một số quốc gia và các tổ chức vào danh sách khủng bố. Ngày 7-5-1981, chỉ vài tháng sau khi lên nắm quyền, Tổng thống Reagan đã ra lệnh trục xuất các nhân viên ngoại giao của Libya ra khỏi Mỹ, chấm dứt sự hiện diện ngoại giao của quốc gia này ở Washington đồng thời kêu gọi các công dân Mỹ đang hoạt động trong lĩnh vực dầu mỏ ở Lybia trở về Mỹ (10) với lý do “chính quyền của Gaddafi có liên quan đến các âm mưu khủng bố nhằm vào các quan chức ngoại giao của Mỹ” (11). Chính quyền Ronald Reagan cũng nhiều lần đưa các quốc gia quốc gia Trung Đông như Iran, Libya, Syria vào danh sách tài trợ khủng bố (12) và tiến hành bao vây, cô lập các nước này.

Về kinh tế, các lệnh cấm vận đơn phương được xem là một trong những công cụ quan trọng để chống lại các quốc gia mà Mỹ cáo buộc là “tài trợ” hoặc có liên quan đến chủ nghĩa khủng bố. Ngày 7-1-1986, chính quyền Ronald Reagan tuyên bố cắt đứt quan hệ kinh tế với Libya với cáo buộc chính quyền của Libya có liên quan đến nhóm cực đoan Abu Nidal, tổ chức mà Mỹ cho là đã tiến hành các cuộc ném bom liều chết nhằm vào các công dân Mỹ tại sân bay Rome và Vienne (13). Tương tự, chính quyền Ronald Reagan cũng bổ sung nhiều lệnh trừng phạt mới lên Iran. Đặc biệt vào ngày 30-10-1987, Tổng thống Ronald Reagan ban hành Sắc lệnh số 12613 về việc cấm vận kinh tế toàn diện đối với Iran, trong đó quy định rõ: không một loại hàng hóa, thực phẩm hay dịch vụ nào có nguồn gốc từ Iran có thể được xuất sang Mỹ nếu chúng bị phát hiện có xuất xứ ở Iran hoặc được vận chuyển qua Iran từ sau ngày lệnh trừng phạt có hiệu lực (14).

Về quân sự, mặc dù chính quyền Ronald Reagan không ưu tiên sử dụng các biện pháp quân sự trong chiến lược toàn cầu của mình (trong cuộc đối đầu với Liên Xô ở Afghanistan hay lực lượng cánh tả ở Nicaragua, chính quyền Ronald Reagan đều can dự gián tiếp bằng cách hậu thuẫn tài chính và vũ khí cho các lực lượng bản địa đối lập), nhưng trong chính sách chống khủng bố, chính quyền Ronald Reagan đã vượt ra khỏi giới hạn “ngăn chặn” để tiến hành tấn công quân sự nếu cần thiết. Mỹ đã thành lập các trung tâm chỉ huy, căn cứ quân sự nhằm tăng cường sự hiện diện của Mỹ ở những điểm nóng với nhiệm vụ cốt lõi là “ngăn chặn các cuộc tấn công khủng bố, trong đó có Trung tâm chỉ huy quân sự của Mỹ ở Trung Đông (USCENTCOM) vào năm 1983 (15). Ronald Reagan cũng là tổng thống khởi xướng việc sử dụng “đòn đánh

phủ đầu” trong cuộc chiến chống khủng bố. Chính Ronald Reagan là người đã ra lệnh không kích ở Lybia vào năm 1986 dưới Chiến dịch El Dorado Canyon với lý do Libya có “liên quan” đến cuộc tấn công tại Tây Berlin khiến 2 người thương vong, trong đó có 1 binh sĩ Mỹ (16). Mỹ đã huy động một lực lượng tinh nhuệ, bao gồm khoảng 100 máy bay các loại của lực lượng không quân và hải quân để tiến hành chiến dịch này. Cuộc không kích đã gây thiệt hại lớn cho Libya khi một số căn cứ quân sự quan trọng của nước này bị phá hủy. Chiến dịch El Dorado Canyon được xem là một trong những minh chứng điển hình cho phương thức đánh phủ đầu ở thời Ronald Reagan.

Với những chính sách quyết liệt của mình, Reagan trở thành vị tổng thống tiên phong trong cuộc chiến chống khủng bố. Những di sản mà Reagan để lại đã trở thành bài học kinh nghiệm để những người kế nhiệm nhìn vào, học hỏi và tạo dựng một khuôn khổ chính sách chống khủng bố riêng, như Robert G. Kaufman nhận định “di sản của Reagan vượt qua thời đại của ông. Chiến lược toàn cầu của Ronald Reagan, được điều chỉnh để phù hợp với những thách thức của thế kỷ XXI, cung cấp khuôn khổ thận trọng nhất cho chính sách an ninh quốc gia và đối ngoại của Hoa Kỳ, cũng như là tiêu chuẩn để đánh giá tất cả các ứng cử viên tham gia vào bộ máy quyền lực của quốc gia” (17).

## **2. Ảnh hưởng của chính sách thời Ronald Reagan đối với cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ ở khu vực Trung Đông giai đoạn 2001 - 2009**

Cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố là chiến dịch quân sự quốc tế do Mỹ lãnh đạo, được Tổng thống George W Bush phát động sau vụ tấn công khủng bố ngày 11-9-2001. Khu vực Trung Đông trở thành tâm điểm

trong cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ và các cuộc chiến tranh ở Afghanistan và Iraq là một phần của cuộc chiến đặc biệt này. Bên cạnh các chiến dịch quân sự, cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố còn bao gồm cả các nỗ lực ngoại giao, tài chính và các biện pháp cần thiết khác nhằm ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa khủng bố (18). Cuộc chiến này cũng nhận được sự ủng hộ đáng kể từ các đồng minh của Mỹ. Cho đến nay, các hoạt động quân sự ở Iraq và Afghanistan đã kết thúc, nhưng một phần của cuộc chiến chống khủng bố (đặc biệt là các nỗ lực ngăn chặn hành động tài trợ cho khủng bố) vẫn còn tiếp tục. Cuộc chiến chống khủng bố của Tổng thống George W Bush vừa mang dấu ấn cá nhân đậm nét nhưng đồng thời cũng chịu ảnh hưởng khá lớn từ chính sách chống khủng bố của những người tiền nhiệm, đặc biệt là Tổng thống Ronald Reagan. Như nhà nghiên cứu Mattia Toaldo từng nhận định “Nguồn gốc của cuộc chiến chống khủng bố xuất hiện nhiều năm trước khi sự kiện 11-9 diễn ra, trong thời gian Ronald Reagan nắm quyền ở Nhà Trắng. Chính quyền Ronald Reagan đã để lại những dấu ấn về mặt phương pháp luận về cuộc chiến chống khủng bố như: ý tưởng coi khủng bố là một hình thức chiến tranh mà phương Tây phải đáp trả bằng chiến tranh, sử dụng các cuộc tấn công phủ đầu vào các cơ sở khủng bố hoặc bất cứ mục tiêu nào được cho là có liên quan đến chủ nghĩa khủng bố, ý tưởng lật đổ các chế độ tài trợ hoặc có liên quan đến chủ nghĩa khủng bố...” (19).

*Trước hết*, chính sách đặc biệt cứng rắn đối với chủ nghĩa khủng bố và sự nhất quán trong nguyên tắc không “đàm phán” với những kẻ khủng bố của Tổng thống George W. Bush được cho là chịu ảnh hưởng từ Tổng thống Ronald Reagan. Ngay từ khi còn là một ứng cử viên tranh cử tổng thống,

Ronald Reagan đã đưa chống khủng bố quốc tế vào trong chương trình nghị sự của mình. Ronald Reagan cam kết mạnh mẽ rằng “Hoa Kỳ phải có lập trường chống lại chủ nghĩa khủng bố trên thế giới và chống lại nó một cách kiên quyết” (20). Khi trở thành Tổng thống, Ronald Reagan tiếp tục có những tuyên bố mạnh mẽ liên quan đến chống khủng bố: “Hãy để những kẻ khủng bố nhận thức được rằng khi các luật lệ quốc tế bị vi phạm, chính sách của nước Mỹ sẽ là trả đũa nhanh chóng và hiệu quả... Hãy hiểu rằng sự kiên nhẫn của đất nước chúng ta là có giới hạn” (21). Trên thực tế, khi triển khai chiến lược chống khủng bố, chính quyền Reagan đã hành động rất quyết liệt. Mỹ tiến hành bao vây, cấm vận các quốc gia mà Mỹ cáo buộc là tài trợ cho khủng bố, thậm chí sử dụng các biện pháp quân sự răn đe khi cần thiết (điển hình là vụ không kích Libya năm 1986)... Quan điểm cứng rắn của Reagan trước chủ nghĩa khủng bố được các chính quyền sau đó tiếp tục được kế thừa và đậm nét nhất là dưới thời của Tổng thống George W. Bush. Ngay trong năm đầu tiên nắm quyền, Tổng thống George W. Bush đã phải đối mặt với các cuộc tấn công khủng bố quy mô chưa từng có ngay trong lòng nước Mỹ. Sự kiện ngày 11-9 với gần 3.000 người thiệt mạng trong các vụ tấn công ở Tòa tháp đôi Trung tâm thương mại (New York) và Lầu Năm Góc đã thúc đẩy Tổng thống George W Bush phát động một cuộc chiến chống khủng bố trên quy mô toàn cầu với quyết tâm cao độ và nguồn lực khổng lồ.

Trong bản Chiến lược an ninh quốc gia (2002), Tổng thống George W. Bush nêu rõ “Hoa Kỳ đang chiến đấu trong một cuộc chiến chống lại những kẻ khủng bố có tầm ảnh hưởng toàn cầu. Kẻ thù không phải là một chế độ chính trị hay một cá nhân hay một tôn giáo hay một hệ tư tưởng cụ thể. Kẻ thù là chủ nghĩa khủng bố - thực hiện

hành vi bạo lực có chủ đích, có động cơ chính trị đối với những người vô tội”. “Hoa Kỳ sẽ không nhượng bộ trước các yêu cầu của khủng bố và không thỏa thuận với chúng. Chúng tôi không phân biệt giữa những kẻ khủng bố và những kẻ cố tình che giấu hoặc cung cấp viện trợ cho chúng” (22). Và giống như Ronald Reagan, trong cuộc đối đầu với chủ nghĩa khủng bố, Tổng thống George W. Bush không loại trừ các biện pháp quân sự, trong đó có việc tấn công vào các quốc gia mà Mỹ cáo buộc là tài trợ cho khủng bố. Hai cuộc chiến ở Afghanistan (2001) và Iraq (2003) là minh chứng rõ nét nhất cho chính sách cứng rắn của chính quyền Bush đối với chủ nghĩa khủng bố.

Hai là, giống như Ronald Reagan, chính quyền George W. Bush cũng có xu hướng liên kết các vụ tấn công khủng bố với một số quốc gia cụ thể mà Mỹ cho là “tài trợ khủng bố” (23). Trong quá khứ, chính quyền Ronald Reagan đã nhiều lần thể hiện lập trường rằng việc các quốc gia tài trợ cho khủng bố nhằm vào Mỹ đồng nghĩa với việc các nước này đang thực hiện hành vi xâm lược và Hoa Kỳ “có quyền hợp pháp để đáp trả tương xứng với quốc gia tài trợ khủng bố, chứ không chỉ nhằm vào nhóm khủng bố đã thực hiện hành vi tấn công” (24). Trong Chiến lược an ninh quốc gia của Hoa Kỳ năm 1987, Tổng thống Ronald Reagan xác định rõ “ngăn chặn chủ nghĩa khủng bố do nhà nước bảo trợ” được xem là một trong những ưu tiên, là lợi ích của Mỹ ở khu vực Trung Đông. Tuy nhiên, theo Ronald Reagan, lợi ích đó đang bị đe dọa bởi các quốc gia “tài trợ cho khủng bố” như “Libya, Iran hay Syria” (25). Mỹ sẽ quyết tâm “cô lập và ngăn chặn các quốc gia tài trợ cho chủ nghĩa khủng bố” (26). Luận điệu cứng rắn này tiếp tục được nhắc lại trong chiến lược an ninh quốc gia của Hoa

Kỳ năm 1988 (27). Trên thực tế, như đã đề cập, vào năm 1986, phía Mỹ cáo buộc chính quyền Gaddafi có liên quan đến các cuộc tấn công khủng bố nhằm vào binh lính Mỹ khiến 2 người thương vong ở Berlin. Libya ngay lập tức trở thành mục tiêu tấn công của Mỹ trong chiến dịch chống khủng bố của Ronald Reagan.

Đối sách của Ronald Reagan được chính quyền George W. Bush vận dụng lại khi Tổng thống George W. Bush cáo buộc chế độ Taliban ở Afghanistan tài trợ, chứa chấp tổ chức khủng bố Al Qaeda - lực lượng chịu trách nhiệm cho vụ tấn công kinh hoàng ở nước Mỹ ngày 11-9-2001 khiến gần 3.000 người thiệt mạng. Trước khi phát động cuộc chiến tranh ở Afghanistan, Tổng thống George W. Bush đã từng gửi đi thông điệp cứng rắn rằng “Những yêu cầu sau là không thể thương lượng hay thảo luận, chế độ Taliban phải hành động và hành động ngay lập tức. Họ sẽ phải giao nộp những tên khủng bố hoặc chế độ này cũng sẽ phải chịu chung số phận” (28). Khi Taliban không hợp tác, không đầu hàng, Bush đã phát động cuộc chiến tranh ở Afghanistan dưới danh nghĩa tiêu diệt các tổ chức khủng bố liên quan đến vụ 11-9. Tương tự, trước khi tiến hành cuộc chiến tranh ở Iraq vào năm 2003, Tổng thống Bush và các cộng sự của ông đã cố gắng liên kết chế độ của Saddam Hussein với tổ chức khủng bố Al - Qaeda. Tổng thống George W. Bush cáo buộc “Trong nhiều năm qua, Iraq đã cung cấp nơi ẩn náu an toàn cho những kẻ khủng bố như Abu Nidal, tổ chức khủng bố do Abu Nidal cầm đầu đã thực hiện hơn 90 vụ tấn công khủng bố ở 20 quốc gia khiến gần 900 người thiệt mạng hoặc bị thương, trong đó có 12 người Mỹ. Iraq cũng đã cung cấp nơi ẩn náu an toàn cho Abu Abbas, kẻ chịu trách nhiệm chiếm giữ tàu Achille Lauro và giết chết một hành khách người

Mỹ. Và chúng ta biết rằng Iraq vẫn tiếp tục tài trợ cho khủng bố và hỗ trợ cho các nhóm sử dụng khủng bố để phá hoại hòa bình Trung Đông” (29). Quan trọng hơn, theo Tổng thống George W. Bush, “việc liên minh với những kẻ khủng bố cho phép chế độ ở Iraq có thể tấn công nước Mỹ mà không để lại bất cứ dấu vết nào” (30). Một chiến dịch truyền thông được tạo ra sau đó nhằm “khắc họa” Iraq như một “đối tác” của chủ nghĩa khủng bố và đe dọa đến an ninh, an toàn của nước Mỹ. Tạp chí *Newsweek* đã đăng tải một bài viết về khả năng Tổng thống Iraq Saddam Hussein và Al Qaeda hợp lực tấn công các lợi ích của Hoa Kỳ ở vùng Vịnh. Hãng tin ABC sau đó cũng đăng tải một bài viết với nội dung tương tự. Tiếp đó, Phó Tổng thống Mỹ Dick Cheney cũng nhiều lần phát biểu trước công luận Mỹ rằng Iraq có thể đang che giấu Abdul Rahman Yasin, nghi phạm trong vụ đánh bom Trung tâm thương mại thế giới năm 1993. Trong cuộc hội đàm với phía Bahrain ngày 17-3-2002, Phó Tổng thống Dick Cheney quy kết phía Iraq theo đuổi việc sở hữu vũ khí hạt nhân (31). Tương tự, ngày 5-2-2003, Thượng nghị sĩ Hillary Clinton cũng buộc tội Iraq “theo đuổi năng lực sở hữu vũ khí hạt nhân và ủng hộ, che giấu cho các tổ chức khủng bố” (32). Cỗ máy tuyên truyền chiến tranh của chính quyền George W. Bush đã đạt được hiệu quả khi quốc hội Mỹ ra nghị quyết đồng thuận để quân đội Mỹ tấn công Iraq (33).

Việc gắn các tổ chức khủng bố, các vụ tấn công khủng bố với các chính phủ cụ thể giúp chính quyền Mỹ tăng sức ép lên các quốc gia “đối kháng”, buộc các nước này phải hành động. Nếu không, họ sẽ trở thành mục tiêu tấn công của Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố. Quan trọng hơn, việc gắn kết này còn giúp chính quyền Mỹ

tạo được sự đồng thuận trong quốc hội và dư luận Mỹ, “hợp thức hóa” các cuộc chiến tranh dưới danh nghĩa chống khủng bố như: cuộc không kích ở Lybia năm 1986 hay các cuộc chiến tranh ở Afghanistan (2001) và ở Iraq (2003).

*Ba là*, chính quyền của Tổng thống George W. Bush đã kế thừa và phát triển phương thức đánh phủ đầu (Pre-emptive Strike) trong chiến lược chống khủng bố.

Năm 1984, Tổng thống Ronald Reagan đã ký một chỉ thị mật về an ninh quốc gia, trong đó quy định rõ “đòn đánh phủ đầu là một phần trong chính sách chống khủng bố của chính quyền Mỹ” (34). Hai năm sau đó, Mỹ tiến hành cuộc không kích bất ngờ ở Libya. Đêm ngày 15-4-1986, Mỹ đã triển khai chiến dịch mang mật danh El Dorado Canyon nhằm vào một số địa điểm mà Mỹ cho là có liên quan đến các hoạt động khủng bố ở Tripoli, Benghazi, bao gồm cả trụ sở và nơi ở của Đại tá Gaddafi (35). Cuộc tấn công ấy không chỉ làm “suy yếu” ý định tài trợ cho các nhóm vũ trang đối kháng với Mỹ và phương Tây của các chính phủ ở Trung Đông mà quan trọng hơn nó đã đặt những nền móng quan trọng cho chiến lược chống khủng bố của nước Mỹ ở giai đoạn sau đó, đặc biệt là dưới thời George W. Bush. Thông qua đội ngũ cố vấn (trong đó có những người từng phục vụ dưới thời Ronald Reagan), chiến lược chống khủng bố của George W. Bush ở khu vực Trung Đông chịu sự ảnh hưởng khá rõ nét từ Học thuyết Reagan, đặc biệt là việc sử dụng đòn tấn công phủ đầu và quyết tâm hành động đơn phương nếu cần thiết (36). Tổng thống Bush đã đề cập về biện pháp cứng rắn này trong học thuyết chiến lược của ông trong cuộc chiến chống lại chủ nghĩa khủng bố trên quy mô toàn cầu (37). Ngày 1-6-2002, tại Học viện West Point, Bush tuyên bố “An ninh của chúng ta yêu

cầu tất cả các công dân Mỹ phải có tầm nhìn xa và kiên quyết, phải hành động *phủ đầu* khi cần thiết để bảo vệ quyền tự do và bảo vệ mạng sống của chúng ta”. Tương tự, trong báo cáo Chiến lược an ninh quốc gia đầu tiên của mình (ngày 20-9-2002), Tổng thống George W. Bush chỉ ra rằng, nước Mỹ cần nỗ lực “duy trì ưu thế vượt trội và đánh bại chủ nghĩa khủng bố bằng cách đập tan mọi mối đe dọa này trước khi nó đến biên giới chúng ta”. Tổng thống Bush cũng nhiều lần công khai về khả năng nước Mỹ thực hiện các hành động quân sự đơn phương (38). Chỉ chưa đầy một năm sau bài phát biểu ở West Point, vào ngày 20-3-2003, liên quân Mỹ-Anh đã bất ngờ tấn công Iraq mà không tuyên chiến. Mở màn bằng các cuộc không kích phủ đầu nhằm triệt hạ năng lực quân sự của chính quyền Saddam Hussein dưới danh nghĩa cuộc chiến chống khủng bố. Cuộc chiến tranh ở Iraq (2003) đã giúp chính quyền George W. Bush đạt được mục đích trong việc lật đổ chế độ Saddam Hussein nhưng cũng khiến Mỹ sa lầy ở Iraq trong 8 năm (39) và trở thành một trong những cuộc chiến gây tranh cãi nhất của Mỹ thời hậu Chiến tranh Lạnh.

Điểm đáng chú ý cuối cùng là sự kế thừa và phát triển chủ nghĩa đơn phương của chính quyền Bush. Cả Ronald Reagan và George W Bush đều sẵn sàng thực hiện các bước mà họ cho là cần thiết cho sự an toàn của nước Mỹ bất kể nỗ lực ấy có nhận được sự hỗ trợ rộng rãi từ các đồng minh hay không (40). Dưới thời Ronald Reagan, chủ nghĩa đơn phương trở thành một trong những điểm đáng chú ý. Đặc biệt là quyền phát động chiến tranh của tổng thống. Để chống lại ảnh hưởng của Liên Xô và lực lượng cánh tả trên khắp thế giới, Reagan đã tích cực sử dụng các biện pháp khác

nhau từ tài trợ cho các nhóm đến đối lập cho đến can thiệp quân sự trực tiếp. Nhiều nhà nghiên cứu đã dẫn chứng hành động xâm lược Grenada (41) (tháng 10-1983) của chính quyền Ronald Reagan như một minh chứng cho chủ nghĩa đơn phương khi ông đã phát động cuộc chiến này mà không có nghị quyết của Liên hợp quốc hay sự cho phép của quốc hội Mỹ (42). Trong vấn đề chống khủng bố, quyền đơn phương hành động đã trở thành một trong những thành tố quan trọng trong chính sách chống khủng bố của Tổng thống Reagan (43). Thực tế, chính quyền Ronald Reagan đã đơn phương tiến hành cuộc không kích ở Libya. Mỹ cũng đơn phương áp đặt nhiều lệnh trừng phạt mới về kinh tế, cấm vận quân sự đối với Iran dưới danh nghĩa ngăn chặn Iran “tài trợ” khủng bố.

Tương tự, chủ nghĩa đơn phương cũng trở thành một trong bốn trụ cột trong Học thuyết của Tổng thống George W. Bush (44). Với chủ nghĩa đơn phương, chính quyền George W. Bush cho phép mình can thiệp vào bất cứ nơi nào trên thế giới mà Mỹ cho rằng có liên quan đến khủng bố. Chủ nghĩa đơn phương thời Bush thể hiện rõ nét nhất qua hai cuộc chiến tranh xâm lược ở Afghanistan và Iraq. Trong Chiến lược an ninh quốc gia của Tổng thống vào tháng 9-2002 “Mặc dù Hoa Kỳ sẽ liên tục kêu gọi sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, nhưng nếu cần thiết nước Mỹ không ngần ngại hành động một mình để thực hiện quyền tự vệ của mình bằng hành động trước những kẻ khủng bố, để ngăn chặn chúng gây hại cho người dân và đất nước của chúng ta”. Sau khi nhận Quốc hội Mỹ “bật đèn xanh”, liên quân Mỹ - Anh đã đơn phương tấn công Iraq bằng các trận không kích mà không có bất cứ nghị quyết nào của Liên hợp quốc. Ngay

lập tức, cuộc chiến ở Iraq đã gây ra làn sóng phản đối mạnh mẽ trên thế giới. Không chỉ có Trung Quốc, Nga phản đối quyết định tấn công Iraq của Mỹ mà các đồng minh thân cận với Mỹ như Đức, Pháp cũng đã lên tiếng phản đối (45). Không những vậy, cuộc chiến này đã tiêu tốn một lượng ngân sách khổng lồ của Mỹ. Ước tính, chính quyền Mỹ đã phải chi khoảng 816 tỷ đô la cho cuộc chiến ở Iraq trong giai đoạn 2001-2014 (46).

### 3. Nhận xét

Như vậy, trong nền chính trị Mỹ, bên cạnh sự thay đổi, vận động thì ở một số trường hợp nhất định, chính sách của các Tổng thống đời sau “có sự kế thừa” từ những người tiền nhiệm (47). Trong trường hợp cụ thể là Ronald Reagan và George W. Bush, chính sách chống khủng bố có từ thời Reagan đã đặt nền móng quan trọng cho cuộc chiến chống khủng bố của Tổng thống George W. Bush. Những ý tưởng từ thời Ronald Reagan về việc coi chủ nghĩa khủng bố là một cuộc chiến tranh mà Mỹ phải đáp trả bằng chiến tranh, nguyên tắc không nhượng bộ hay đàm phán với chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa đơn phương hay cách chính quyền Mỹ điều hướng dư luận khi gần các tổ chức và các vụ tấn công khủng bố với một quốc gia “đối địch” cụ thể đã được chính quyền George W. Bush kế thừa và phát triển lên một nấc thang mới, theo một cách cứng rắn, thậm chí “cực đoan” hơn. Có một số nguyên nhân chủ yếu, thúc đẩy chính quyền George W. Bush vận dụng lại những chính sách chống khủng bố có từ thời Ronald Reagan.

*Nguyên nhân thứ nhất* xuất phát từ sự tương đồng trong thách thức an ninh mà cả hai Tổng thống phải đối mặt trong nhiệm kỳ của họ và quan điểm chính trị gần gũi (khi cả Ronald Reagan hay George W. Bush

đều là người của Đảng Cộng hòa). Như đã đề cập, trong những năm 1980, chủ nghĩa khủng bố nổi lên như là mối đe dọa đặc biệt đối với an ninh và lợi ích nước Mỹ. Ở khu vực Trung Đông, châu Âu, hàng loạt các cuộc bắt cóc công dân Mỹ và các vụ tấn công khủng bố nhằm vào các cơ sở dân sự và quân sự của Mỹ đã thúc giục chính quyền Mỹ phải hành động. Các cuộc tấn công khủng bố đã thách thức nghiêm trọng niềm tin vào sức mạnh Mỹ, vào khả năng duy trì trật tự ở khu vực Trung Đông và xa hơn là vị thế của Mỹ trong cuộc đối đầu với Liên Xô trên quy mô toàn cầu. Do đó, cùng với mục tiêu “ngăn chặn” Liên Xô, chống khủng bố đã trở thành một trong những ưu tiên trong Học thuyết của Reagan. Tương tự, Tổng thống George W. Bush phát động cuộc chiến chống khủng bố sau khi nước Mỹ vừa trải qua một trong những thảm kịch tồi tệ nhất trong lịch sử - các vụ tấn công khủng bố ngày 11-9. Hành động tấn công khủng bố ngay trong lòng nước Mỹ của các phần tử cực đoan đã thách thức nghiêm trọng hòa bình và an ninh của nước Mỹ. Chính vì vậy, để vực dậy niềm tin của người dân và dư luận quốc tế vào sức mạnh siêu cường của Mỹ, Tổng thống George W. Bush buộc phải hành động nhanh trước mối đe dọa từ chủ nghĩa khủng bố. Sự tương đồng về bối cảnh lịch sử đã thúc đẩy Bush cùng các cộng sự của mình nhìn vào tấm gương quá khứ, đặc biệt là giai đoạn Ronald Reagan nắm quyền và cách thức Ronald Reagan đưa nước Mỹ vượt ra khỏi bóng ma khủng bố trong thập niên 1980 để “giải bài toán” an ninh nước Mỹ sau sự kiện 11-9. Ngoài ra, sự đồng điệu trong chính sách chống khủng bố giữa Ronald Reagan và George W. Bush có thể còn xuất phát từ việc cả hai tổng thống này đều là

người của Đảng Cộng hòa. Truyền thống đảng phái, sự gắn gũi về mặt quan điểm chính trị đã thúc đẩy George W. Bush nhìn vào kinh nghiệm của người tiền nhiệm Ronald Reagan trong việc đối phó với mối đe dọa của chủ nghĩa khủng bố.

*Nguyên nhân thứ hai* xuất phát từ vai trò của các cộng sự và đội ngũ cố vấn. Một số quan chức cấp cao thời George W. Bush cũng từng phục vụ dưới chính quyền của Ronald Reagan. Chẳng hạn như Phó Tổng thống Dick Cheney, từng đóng vai trò quan trọng trong cả ba đời tổng thống trước đó là Ronald Reagan, George H W Bush (cha) và Bill Clinton. Ngoại trưởng Colin Powell từng là cố vấn an ninh cấp cao cho Ronald Reagan. Richard Armitage, “phó tướng” của Powell cũng từng làm việc dưới chính quyền của Reagan với tư cách là trợ lý phụ trách các vấn đề an ninh quốc tế cho bộ trưởng bộ quốc phòng (48). Đó đều là những vị trí đặc biệt quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình định hình chính sách của Tổng thống George W Bush. Chính vì vậy, những nhân vật như Cheney, Powell hay Richard Armitage được xem là những sợi dây kết nối di sản từ thời Reagan với nhiệm kỳ của Tổng thống G W Bush như cuốn sách *“The History of Terrorism: From Antiquity to ISIS”* đã khẳng định (49). Lấy Phó Tổng thống Dick Cheney làm ví dụ. Ông là một người theo chủ nghĩa đơn phương và từng làm việc dưới thời của Reagan. Năm 1997, Dick Cheney cùng với Bill Kristol, Don Rumsfeld đã lập ra Dự án thế kỷ mới của Mỹ và cùng nhau truyền bá về quyền bá chủ toàn cầu của nước Mỹ, kêu gọi trừng phạt Saddam Hussein, ủng hộ Israel (50)... Khi trở thành Phó Tổng thống dưới quyền của George W Bush, Dick Cheney tiếp tục

nhật thành ủng hộ cho chủ nghĩa đơn phương và nhiều lần tuyên bố chế độ Saddam Hussein “ủng hộ” cho chủ nghĩa khủng bố. Thực tế, chủ nghĩa đơn phương đã trở thành trụ cột quan trọng nhất của chính quyền George W. Bush trong suốt 8 năm vị Tổng thống này nắm quyền.

*Nguyên nhân thứ ba* xuất phát từ sức ảnh hưởng của thời kỳ Ronald Reagan. Riêng trong chính sách chống khủng bố, dù vẫn còn nhiều tranh cãi về di sản của Ronald Reagan, đặc biệt là trong vụ Iran - Contra (51), nhưng rõ ràng nó đã phát huy được hiệu quả nhất định. Chẳng hạn, sau cuộc không kích của Mỹ ở Lybia năm 1986, chính quyền Gaddafi có những thay đổi thận trọng hơn trong quan hệ với Mỹ. Sự “thành công” ấy đã trở thành bài học để những người kế nhiệm Ronald Reagan học hỏi và vận dụng có chọn lọc trong cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ sau năm 2001.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng dù chính sách chống khủng bố của chính quyền George W Bush có sự kế thừa những di sản từ thời Ronald Reagan nhưng sự kế thừa ấy có sự thay đổi, phát triển chứ không phải là sự sao chép cứng nhắc. Điểm khác nhau lớn nhất giữa chính sách chống khủng bố của Tổng thống Ronald Reagan và George W Bush là vai trò của yếu tố quân sự. Dù có những tuyên bố danh thép nhằm vào chủ nghĩa khủng bố nhưng Reagan với ưu tiên cho các biện pháp “ngăn chặn” và can thiệp gián tiếp, trong khi Tổng thống Bush ưu tiên cho các biện pháp quân sự mạnh tay. Bush cho rằng chính sách ngăn chặn từ thời chiến tranh lạnh đã không còn phù hợp để đối phó với những mối đe dọa đối với nước Mỹ trong thế kỷ XXI (52). Chính vì thế, trong vòng 8 năm cầm quyền (2001-

2009), Tổng thống George W Bush đã phát động hai cuộc chiến lớn ở Afghanistan và Iraq dưới danh nghĩa chống khủng bố. Chủ nghĩa đơn phương dưới thời Bush cũng được đẩy lên mức cao khi chính quyền Mỹ bất chấp dư luận, sự phản đối quốc tế (trong đó có cả các đồng minh thân cận trong NATO như Đức, Pháp) để tiến hành xâm lược Iraq. Tuy nhiên, từ bài học Iraq cho thấy đơn phương gây chiến tranh với quốc gia có chủ quyền không phải là một giải pháp, thậm chí quyết định đơn phương này đã kéo Mỹ lún sâu vào một cuộc chiến tranh phi nghĩa, kéo dài và tốn kém. Quan trọng hơn, việc bỏ qua vai trò của các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc làm giảm hiệu quả của cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động và làm dấy lên những lo ngại, thậm chí là sự phản đối từ chính các đồng minh của Mỹ về động cơ thực sự của Mỹ khi phát động cuộc chiến tranh đặc biệt này.

Dù có những điều chỉnh, thay đổi vừa nêu nhưng không thể phủ nhận những di sản từ thời Ronald Reagan đã để lại dấu ấn đậm nét trong chính sách chống khủng bố của Tổng thống George W. Bush. Điều này cho thấy bên cạnh tính chất vận động, thay đổi thì chính sách đối ngoại của Mỹ qua các đời tổng thống cũng có sự tiếp nối, kế thừa nhất định với ưu tiên cao nhất là bảo đảm an ninh, an toàn, sự thịnh vượng của nước Mỹ và xa hơn là vị thế siêu cường của Mỹ trên trường quốc tế. Tuy nhiên, việc vận

dụng lại những lý thuyết về đòn đánh phủ đầu, chủ nghĩa đơn phương hay ý tưởng gắn kết các tổ chức khủng bố với các quốc gia cụ thể dưới thời George W Bush đã không thể giúp nước Mỹ giải quyết triệt để mối đe dọa từ chủ nghĩa khủng bố. Sự “mơ hồ” trong việc nhận diện đối tượng khủng bố, sự sa lầy trong các cuộc chiến tranh kéo dài và tốn kém ở Afghanistan hay Iraq đã phơi bày những điểm yếu trong chiến lược chống khủng bố của Tổng thống George W Bush. Sự can thiệp quân sự trong cuộc chiến chống khủng bố và việc dựng lên các chính quyền thân Mỹ tại khu vực Trung Đông đã làm phá vỡ sự cân bằng quyền lực, khiến tình hình khu vực này vốn không ổn định lại càng trở nên bất ổn hơn, thể hiện qua phong trào “Mùa xuân Arab”, nội chiến tại Syria, sự xuất hiện của các tổ chức khủng bố nguy hiểm như Nhà nước Islam (IS)... Đối với chính nước Mỹ, việc dồn phần lớn nguồn lực quốc gia cho cuộc chiến chống khủng bố đã làm phân tán nguồn lực, làm lệch hướng các ưu tiên của Mỹ và gây xao nhãng đối với thách thức và nguy cơ khác. Khi Mỹ sa lầy vào các cuộc chiến ở Trung Đông cũng là lúc đối thủ của Mỹ trở nên mạnh mẽ. Bài học từ thời Ronald Reagan, George W, Bush hay cả giai đoạn sau này đòi hỏi chính quyền Mỹ phải điều chỉnh lại cách tiếp cận trong vấn đề chống khủng bố, đặc biệt là ở những khu vực có đặc điểm địa chính trị độc đáo, phức tạp như Trung Đông.

## CHÚ THÍCH

(\*) Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở năm 2025: “*Chính sách chống khủng bố của Mỹ ở khu vực Trung Đông từ năm 2001 đến năm 2016*” do Viện Sử học chủ trì.

(1). UN Security Council, *Resolution 1566*, United Nations, New York, 8 October 2004, p.2.

(2), (11), (15), (37). Jeffrey L. Chidester, Paul Kengor (ed), *Reagan's Legacy in a World*

*Transformed*, Harvard University Press, US, Apr 6, 2015, p.117, 116, 119, 121.

(3), (25), (26). President Ronald Reagan, *National Security Strategy of the United States*, The White House, January 1987, p.6, 17, 17.

(4). Bernard Weinraub, *President Accuses 5 Outlaw States' of World Terror*, The New York Times, US, 1985, tr.1.

(5). Ofira Seliktar, *Navigating Iran: from Carter to Obama*, Palgrave MacMillan, US, 2012, p.51.

(6). Stephen S. Rosenfeld, *The Reagan Doctrine: The Guns of July*, Foreign Affairs Magazin, US, 1986, p.1

(7), (8). Ronald Reagan Presidential Library, *Libya Under Qadhafi: A Pattern of Aggression*, Collection: Mandel, Judyt: Files Folder Title: [Terrorism - Libya Public Diplomacy - Libya Under Qadhafi: A Pattern of Aggression], Box: 91721, Digital Library Collections, tr.1, 2.

(9), (21). David C. Wills, *The First War on Terrorism: Counter-terrorism Policy during the Reagan Administration*, Rowman & Littlefield Publishers, US, Oct 26, 2004, p.3-4, 1.

(10). US Department of The Air Force, *Libyan Chronology: 1969 to 1986*, Headquarters USAF History Branch - Office of the Air Force Historian, Washington DC, June 1991, p.9.

(12). Bắt đầu từ năm 1979, Bộ Ngoại giao Mỹ công bố danh sách các quốc gia tài trợ cho khủng bố hàng năm.

(13). US Department of State, *U.S. - Libyan Relations, 1786-2008: A Chronology*, Available at: <https://2001-2009.state.gov/p/nea/ci/ly/109174.htm#:~:text=1986%20%2D%20January%207%3A%20President%20Reagan,by%20the%20Abu%20Nidal%20Organization>, accessed March 15, 2025.

(14). President Ronald Reagan, *Executive Order No. 12613 "Prohibiting import from Iran"*, Washington DC, October 30 1987, p.1.

(16). M. Cherif Bassiouni (ed), *Legal Responses to International Terrorism: U.S. Procedural Aspects*, Martinus Nijhoff Publishers, US, 2024, p.285.

(17). Robert G. Kaufman, *The First Principles of Ronald Reagan's Foreign Policy*, First Principles series, No.40, The Heritage Foundation, US, p.1.

(18). George W Bush Presidential Library, *Global War on Terror*, (Available at: <https://www.georgewbushlibrary.gov/research/topic-guides/global-war-terror>)

(19). Mattia Toaldo, *The Origins of the US War on Terror: Lebanon, Libya and American Intervention in the Middle East*, Routledge, US, 2013, p.1

(20). President Ronald Reagan, *Peace: Restoring the Margin of Safety* (Speech, Chicago, Illinois, 18 August 1980), Ronald Reagan Presidential Library & Museum [online] <<https://reaganlibrary.gov/major-speeches-index/10-archives/reference/9-8-18-80>> [last accessed 1 March 2025].

(22). President George W Bush, *The national security strategy of the United States of America*, The White House, September 2002, p.5.

(23), (36), (49). Gérard Chaliand, Arnaud Blin, *The History of Terrorism: From Antiquity to ISIS*, University of California Press, US, 2016, p.411, 411, 411.

(24). *Memorandum from Caspar Weinberger to the Assistant to the President for National Security Affairs*, 31 December 1985, Folder: 'Terrorism and Libya [4 of 6]', RAC Box 8, Donald R. Fortier Files, White House Staff and Office Inventories 1981-1989, The Ronald Reagan Library.

(27). President Ronald Reagan, *National Security strategy of the United States*, The White House, January 1988, p.29.

(28). Daniela Pisoiu, *Arguing Counterterrorism: New perspectives*, Routledge, US, 2014.

(29), (30). *President Bush Outlines Iraqi Threat*, Remarks by the President on Iraq, US, 2002, (Available at: <https://georgewbush-whitehouse.archives.gov/news/releases/2002/10/20021007-8.html>)

(31). *Press Conference by Vice President Dick Cheney and His Highness Salman bin Hamad Al Khalifa, Crown Prince of Bahrain at Shaikh Hamad Palace*, (Available at: <https://georgewbush-whitehouse.archives.gov/vicepresident/news-speeches/speeches/text/vp20020317.html>)

(32). David Croteau, William Hoynes, *Media/Society: Industries, Images, and Audiences*, SAGE Publications, US, 2013 p.232.

(33). Marc Weller, *Iraq and the Use of Force in International Law*, Oxford University Press, UK, 2010, p.135-136.

(34), (35). William C. Martel, *Victory in War: Foundations of Modern Military Policy*, Cambridge University Press, UK, Dec 25, 2006, p.153, 156.

(38). Robert J. Pauly, *Strategic Preemption: US Foreign Policy and the Second Iraq War*, Routledge, US, 2017, p.8.

(39). Năm 2011, quân Mỹ chấm dứt hoạt động tác chiến ở Iraq và rút khỏi nước này theo yêu cầu của chính quyền Baghdad. Việc Tổng thống Mỹ Obama rút quân Mỹ khỏi Iraq đánh dấu sự chấm dứt 2 thập kỷ Mỹ dính líu quân sự vào Iraq.

(40), (52). Mark Warner, *The Axis and the Empire: Fighting evil in the Reagan and Bush administrations*, See: Robert P. Watson, Charles Gleek, Michael Grillo, *Presidential Doctrines: National Security from Woodrow Wilson to George W. Bush*, Nova Publishers, US, 2003, p.108, 109.

(41). Grenada là một quốc đảo thuộc vùng biển Caribbean, khu vực Trung Mỹ.

(42). James Cooper, R.J. Richardson, Bailey Schwab, *Ronald Reagan's 1984: Politics, Policy, and Culture*, Springer Nature, Switzerland, 2024, p.33.

(43). William R Bode, *The Reagan doctrine*, Strategic Review, Volume 14, United States Strategic Institute, US, 1986, p.21.

(44). Bốn trụ cột chính trong Học thuyết Bush (con) bao gồm: Bành trướng dân chủ, Chủ nghĩa đơn phương, Quyền bá chủ của người Mỹ, Đe dọa và chiến tranh ngăn chặn.

(45). John Peterson, Mark A. Pollack, *Europe, America, Bush: Transatlantic Relations in the Twenty-First Century*, Routledge, US, 2004 p.113.

(46). Amy Belasco, *The Cost of Iraq, Afghanistan, and Other Global War on Terror Operations Since 9/11* (CRS report), Congressional Research Service, Washington DC, December 8, 2014, p.6.

(47). Glenn P. Hastedt, *American Foreign Policy: Past, Present, and Future*, Rowman & Littlefield, UK, 2023, p.4.

(48). Hybel, J. Kaufman, *The Bush Administrations and Saddam Hussein: Deciding on Conflict*, Springer, US, 2006 p.31.

(50). John T. Stinson, *The Reagan Legacy*, iUniverse Books, US, 2010.

(51). Thông qua CIA, Mỹ đã bắt chấp lệnh cấm vận, bí mật bán vũ khí cho Iran nhằm đổi lấy tự do cho các con tin người Mỹ bị bắt cóc ở Beirut (Lebanon) và sau đó Mỹ dùng một phần trong số tiền bán vũ khí đó để viện trợ trái phép cho Contra, lực lượng lưu vong chống phá chính quyền Nicaragua.